TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST.
Ngày: 29.5.2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Lê L

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Thanh L;

Bà: Thái Thị M;

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu T là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà*:** Ông Lê Đức A – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. *Lê Đình S,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1984 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn Ng, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đình Đ, SN: 1959 và bà: Trần Thị B, SN: 1959; Vợ: Nguyễn Thị Diễm C, SN: 1991; con: có 01 người SN: 2017; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Lê Đình V,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1980 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đình K, SN: 1962 và bà: Phan Thị T, SN: 1960; Vợ: Đinh Thị T, SN: 1979; Con: có 01 người, SN: 2000; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. *Nguyễn P,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 9 năm 1985 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn Q 1, xã M, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: đầu bếp; Trình độ học vấn: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn T, SN: 1959 và bà: Hồ Thị M (Chết); Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. *Phạm Trần Minh T,* tên gọi khác: Gộc; giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1999 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn Ng, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Việt H, SN: 1973 và bà: Trần Thị Mai T, SN: 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. *Lê Đình L,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 5 năm 1994 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn Ng, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đình C, SN: 1964 và bà: Nguyễn Thị Kim L, SN: 1963; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. *Lê Đình G,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 20 tháng 02 năm 1992 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không, Con ông: Lê Đình C, SN: 1950 và bà: Nguyễn Thị T, SN: 1953; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/8/2014 bị TAND tỉnh B xử phúc thẩm tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 15/5/2015 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. *Nguyễn Mộng U,* tên gọi khác: Út; giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1993 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn E, xã H, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Mộng L, SN: 1948 và bà: Nguyễn Thị Lệ T, SN: 1959; Vợ: Hồ Thị Mỹ D, SN: 1993; Con: có 03 người, lớn nhất SN: 2014, nhỏ nhất SN: 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. *Nguyễn Văn Th,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 12 năm 1985 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn G, xã M, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, SN: 1968 và bà: Tô Thị T, SN: 1968; Vợ: Nguyễn Thị Cẩm G, SN: 1986; Con: có 02 người, lớn nhất SN: 2010, nhỏ nhất SN: 2013; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. *Phan Văn H,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1975 tại tỉnh R; Nơi cư trú: thôn Y, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Phan Văn T (Chết) và bà: Thái Thị L (Chết); Vợ: Nguyễn Thị T, SN: 1983; Con: có 04 người, lớn nhất SN: 2005, nhỏ nhất SN: 2017; Tiền án: Không, Tiền sự: Ngày 19/9/2022 bị Công an huyện A xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi đánh bạc; Ngày 20/9/2022 đã nộp xong tiền phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC; Nhân thân: Ngày 17/11/2010 bị TAND huyện O, R xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 24 tháng thử thách về tội "Gá bạc"; Ngày 17/11/2012 chấp hành xong thời gian thử thách đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 08.12.2022 cho đến ngày 10.12.2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. *Nguyễn Thị N,* tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1983 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn S (Chết) và bà: Lê Thị H, SN: 1956; Chồng: Hoàng Đức T, SN: 1980 (đã ly hôn); Con: có 04 người lớn nhất SN: 2004, nhỏ nhất SN: 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/8/2015 bị TAND tỉnh B xử phúc thẩm tuyên phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", ngày 24/6/2016 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện A, tỉnh B cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quán cà phê Diễm Châu, tại Ng – K – A, là thuộc quyền sở hữu, quản lý của Lê Đình S, làm chủ quản, mở bán cà phê và nước giải khát tại quán.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/12/2022, Lê Đình L, Lê Đình G, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Phan Văn H và Nguyễn Thị N đến quán Diễm Châu để uống cà phê và nước giải khát. Tại đây, Linh, Giao, Ửng, Thảo, Hóa, Ngọc nảy sinh ý định đánh bạc thắng thua bằng tiền nên hỏi Lê Đình S cho mượn 01 phòng trong quán để đánh bạc; S đồng ý cho mượn phòng giữa của quán; sau

đó, S đi mua 04 bộ bài tây loại 52 lá về đưa cho các con bạc 02 bộ và 01 chiếc chiếu để 06 con bạc đánh bạc thắng thua bằng tiền trái phép, dưới hình thức đánh: bài cào dùa.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Lê Đình V, Nguyễn P và Phạm Trần Minh T cũng đến quán uống cà phê thì S rủ V, P, T tham gia đánh bạc, dưới hình thức: đánh phỏm, thắng thua bằng tiền trái phép; cả 03 đồng ý đánh bạc với S, tại bàn uống nước trong quán.

Như vậy, lúc này tại quán cà phê Diễm Châu đã hình thành 02 chiếu bạc. Chiếu thứ nhất gồm: Lê Đình L, Lê Đình G, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Phan Văn H và Nguyễn Thị N đánh bài cào dùa. Chiếu bạc thứ hai gồm: Lê Đình S, Lê Đình V, Nguyễn P và Phạm Trần Minh T đánh bài phỏm.

Trong quá trình đánh bạc, Lê Đình S dùng số tiền 1.250.000 đồng để đánh bạc, thua 50.000 đồng; Nguyễn P dùng số tiền 750.000 đồng để đánh bạc, thua 70.000 đồng; Lê Đình V dùng số tiền 3.230.000 đồng để đánh bạc, thua 10.000 đồng; Phạm Trần Minh T dùng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, thắng được 130.000 đồng; Lê Đình L dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, thắng được 2.800.000 đồng; Nguyễn Văn Th dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, thắng được 200.000 đồng; Nguyễn Thị N dùng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, thắng được 600.000 đồng; Lê Đình G dùng số tiền 4.500.000 đồng để đánh bạc, thua 2.900.000 đồng; Nguyễn Mộng U dùng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc, thua 600.000 đồng; Phan Văn H dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng.

Hai chiếu bạc đánh đến 21 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện A bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc và trong người các con bạc tổng số tiền dùng để đánh bạc của hai chiếu bạc là 18.610.000 đồng và dụng cụ đánh bạc. Cụ thể:

Chiếu bạc thứ nhất, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 12.000.000 đồng. Trong đó của: Lê Đình L số tiền 5.800.000 đồng; Nguyễn Văn Th 1.700.000 đồng; Nguyễn Thị N 900.000 đồng; Lê Đình G 1.600.000 đồng; Nguyễn Mộng U 600.000 đồng; Phan Văn H 1.400.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.610.000 đồng. Trong đó của: Lê Đình S số tiền 1.200.000 đồng; Nguyễn P 660.000 đồng; Phạm Trần Minh T 1.530.000 đồng; Lê Đình V 3.220.000 đồng.

Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá chưa sử dụng và 01 chiếc chiếu.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS, ngày 11.4.2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo: Lê Đình S về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS*; và* tội *"Tổ chức đánh bạc"* theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS*; Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G* về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 BLHS*;*.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo: Lê Đình S về tội: "Đánh bạc" theo

khoản 1 Điều 321 BLHS; và tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS; Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 35 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Lê Đình S với mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" và từ 50.000.000 đồng đến 52.000.000 đồng về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt cả 2 tội với mức phạt từ 70.000.000 đồng đến 74.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H với mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Phan Văn H với mức phạt từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Thị N và Lê Đình G với mức phạt từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội "Đánh bạc".

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Lê Đình S, Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp

với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 10.8.2022, Tổ Công tác Công an huyện A đã phát hiện tại quán cà phê Diễm Châu thuộc thôn Ng, xã K, huyện A, mười đối tượng đang tụ tập cùng nhau đánh bạc trái phép, cụ thể: Chiếu bạc thứ nhất đánh bài cào dừa gồm có Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G tham gia đánh bạc với tổng số tiền 12.000.000 đồng; Chiếu bạc thứ hai đánh bài phỏm gồm có Lê Đình V, Nguyễn P và Phạm Trần Minh T tham gia đánh bạc với tổng số tiền 6.610.000 đồng. Qua điều tra quán, cà phê Diễm Châu là của vợ chồng Lê Đình S chủ quán, S đã đồng ý cho các con bạc sử dụng địa điểm do mình quản lý để tổ chức đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền và bản thân S cùng tham gia đánh bạc tại một chiếu bạc.

Tuy vụ án có nhiều người cùng tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Trong đó vai trò của Lê Đình S đã sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý và sử dụng của mình để các con bạc thành lập hai chiếu bạc với tổng mười người tham gia. Bản thân S cũng tham gia một chiếu bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.250.000 đồng. Do đó, phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc và cao hơn so với đồng bọn. Đối với các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Phan Văn H, Nguyễn Thị N, Lê Đình G, Lê Đình V, Nguyễn P và Phạm Trần Minh T là những người tham gia đánh bạc. Do đó, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo Lê Đình S về tội: "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS và tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS; Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS; là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: các bị cáo Lê Đình S về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS và tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS; Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS; nên cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh, để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo Lê Đình S, Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo L, U, Th, V, P, T đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với Lê Đình S phạm nhiều tội nên chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo Lê Đình G, Phan Văn H và Nguyễn Thị N, xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, bản thân đã từng bị kết án nhưng đều được xóa án tích nên chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phan Văn H mới bị xử phạt hành chính chưa hết thời hiệu, do đó hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo khác là phù hợp. Bị cáo Nguyễn Thị N có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính đang nuôi các con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá chưa sử dụng và 01 chiếc chiếu (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, HĐXX xét thấy vật chứng này trực tiếp liên quan đến vụ án; nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với Số tiền 18.610.000 đồng Việt Nam là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là công cụ liên quan đến vụ án nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Đình S, Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình S;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn H và Lê Đình G;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình S phạm tội "Đánh bạc" và tội "Tổ chức đánh bạc".

- Các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G phạm tội "Đánh bạc"**.**

1.1. Xử phạt: Bị cáo Lê Đình S **20.000.000 (*Hai Mươi triệu*) đồng** về tội "*Đánh bạc*" và **50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng** về tội "Tổ chức đánh bạc". Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt **70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng**.

1.2. Xử phạt: Bị cáo Phan Văn H **30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng.**

1.3. Xử phạt: Bị cáo Lê Đình G **25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng**.

1.4. Xử phạt Nguyễn Thị N **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.**

1.5. Xử phạt: Bị cáo Lê Đình L **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng**.

1.6. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mộng U **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng**.

1.7. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.**

1.8. Xử phạt: Bị cáo Lê Đình V **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.**

1.9. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn P **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.**

1.10. Xử phạt: Bị cáo Phạm Trần Minh T **20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.**

Số tiền bị xử phạt được sung ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy: 04 bộ bài tây loại 52 lá và 01 chiếc chiếu;

2.2.Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 18.610.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm mười ngàn đồng), hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

3.Về án phí: Các bị cáo Lê Đình S, Lê Đình L, Nguyễn Mộng U, Nguyễn Văn Th, Lê Đình V, Nguyễn P, Phạm Trần Minh T, Phan Văn H, Nguyễn Thị N và Lê Đình G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4.Về Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng HSNV Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L